

Số: 38/2026/QĐST-HNGĐ

Hung Yên, ngày 20 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-HƯNG YÊN**

Căn cứ các Điều 29, 149, 212, 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 179/2026/VDS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Lưu Thị Th, sinh năm 2000.

Địa chỉ: thôn N, xã T, tỉnh H.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: thôn H, xã TT, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Th và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh H cũ, nay là UBND xã TT, tỉnh H vào ngày 09/5/2024 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2025 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về lối sống, vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th, anh T cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[2]. Về con chung: Chị Th, anh T đều trình bày vợ chồng không có con chung.

[3]. Về tài sản chung: Chị Th, anh T đều khẳng định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ: Chị Th, anh T đều khẳng định vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về công sức, ruộng cấy: Chị Th, anh T đều trình bày không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về lệ phí: Chị Th, anh T thỏa thuận: Chị Thao chịu cả lệ phí ly hôn.

[7]. Ngày 10/4/2026, Tòa án nhân dân khu vực 1-Hung Yên đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng không thành. Chị Th, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu thuận tình ly hôn và thỏa thuận giải quyết toàn bộ việc dân sự.

[8]. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lưu Thị Th và anh Nguyễn Văn T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Th, anh T không có con chung.

- **Về tài sản chung:** Chị Th, anh T đều khẳng định không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ:** Anh Chị Th, anh T đều khẳng định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công sức; ruộng cấy:** Chị Th, anh T đều khẳng định không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Th, anh T thỏa thuận: Chị Th chịu cả 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn, đối trừ vào số tiền chị Th đã nộp tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001455 ngày 25/3/2026 của Thị hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, các đương sự đã nộp đủ lệ phí ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn: UBND xã TT, tỉnh H;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Văn Tuấn